

Tiến trình liên kết Đông Á của Nhật Bản và vai trò của quan hệ Nhật Bản - Việt Nam

Lý Tường Vân*

Abstract: Sau nhiều thập niên phát triển thần kỳ, Chiến tranh Lạnh kết thúc đã mang lại cơ hội hiện thực hóa mục tiêu đưa Nhật Bản trở thành một cường quốc toàn diện - mạnh cả về kinh tế và chính trị, tăng cường vai trò và vị thế của Nhật Bản trong khu vực. Chương trình hợp tác Đông Á vốn đã được Nhật khởi động từ chính sách Đông Nam Á trong Học thuyết Fukuda năm 1977, sau Chiến tranh Lạnh càng được đẩy mạnh thông qua quyết tâm kiến tạo “Cộng đồng Đông Á cùng nhau hành động và cùng nhau phát triển” của Học thuyết Koizumi năm 2002. Trước sự trỗi dậy của một Trung Quốc nuôi tham vọng trở thành một cường quốc toàn cầu và cạnh tranh mạnh mẽ với Nhật Bản trong các vấn đề khu vực, Tokyo càng tỏ rõ quyết tâm đóng vai trò trung tâm chi phối tiến trình liên kết ở Đông Á. Trong quá trình đó, Việt Nam được Nhật Bản đánh giá là quốc gia tiềm năng nhất trong khu vực trước hết bởi vị trí địa chiến lược ở cả Đông Nam Á và Đông Á, lại sở hữu một nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững. Mỗi quan hệ Nhật Bản - Việt Nam sẽ đóng vai trò thiết thực trong việc thúc đẩy kết nối khu vực thông qua liên kết ASEAN và các cấu trúc liên kết khác ở Đông Á.

Từ khóa: Nhật Bản; Việt Nam; liên kết Đông Á; Đông Nam Á; ASEAN.

Ngày nhận 15/01/2024; ngày chỉnh sửa 02/8/2024; ngày chấp nhận đăng 30/8/2024

DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxnvn10.4.LyTuongVan>

1. Mở đầu

Chiến tranh Lạnh kết thúc, trung tâm địa chính trị, kinh tế thế giới chuyển từ Tây sang Đông, cùng với sự giảm sút sức mạnh của Mỹ là sự nổi lên của Trung Quốc. Tình hình đó tạo ra những cơ hội và thách thức mới cho Nhật Bản. Đối nghịch với quan điểm “Nhật Bản trước tiên”, những người theo quan điểm “Nhật Bản toàn cầu” quyết tâm hiện thực hóa mục tiêu đưa Nhật Bản trở thành một cường quốc toàn diện, nâng cao vị thế của mình ở khu vực, tăng cường vai trò, trách nhiệm trong các vấn đề toàn

cầu. Đối với ngoại giao châu Á, trong thập niên 1970, cùng với những biến động của môi trường quốc tế, Nhật Bản bắt đầu nhấn mạnh chương trình hợp tác Đông Á. Khởi động từ chính sách Đông Nam Á trong Học thuyết Fukuda (1977) đến chủ trương mở rộng hợp tác Đông Á thông qua quyết tâm kiến tạo “Cộng đồng Đông Á cùng nhau hành động và cùng nhau phát triển” của Học thuyết Koizumi (2002) - các học thuyết càng về sau càng thể hiện rõ tham vọng: Tokyo sẽ đóng vai trò trung tâm chi phối tiến trình liên kết Đông Á. Ở một khía cạnh khác, là một quốc gia Đông Nam Á, sớm dự nhập vào thế giới Đông Á và hiện đang là thành viên hạt nhân của ASEAN, Việt Nam sở hữu một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, bền

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; email: tuongvanly.1975@gmail.com

vững, cùng nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt là vị trí địa chiến lược ở Đông Nam Á và Đông Á. Tokyo nhìn nhận nếu Đông Nam Á/ASEAN ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với những lợi ích chiến lược của Nhật Bản trong tiến trình liên kết Đông Á, thì Việt Nam sẽ góp phần thiết thực trong việc thúc đẩy kết nối khu vực thông qua liên kết ASEAN và các cấu trúc liên kết ở Đông Á. Bằng phương pháp nghiên cứu lịch sử và phương pháp nghiên cứu quốc tế, bài viết phân tích vai trò kiến tạo môi trường hợp tác Đông Á của Nhật Bản, thông qua đó xác lập vị trí đầu tàu trong cấu trúc quyền lực ở khu vực. Do Việt Nam được coi là nhân tố trọng yếu trong tiến trình liên kết Đông Á nên vai trò của mối quan hệ Nhật - Việt (từ góc nhìn của Nhật Bản) và Việt - Nhật (từ góc nhìn của Việt Nam) sẽ được bài viết làm rõ. Trong khuôn khổ có hạn của bài tạp chí, tác giả ưu tiên phân tích nhân tố Mỹ và Trung Quốc mà chưa thể đề cập sâu đến Hàn Quốc, Triều Tiên hay vấn đề Đài Loan với tư cách là những nhân tố tác động đến tiến trình liên kết Đông Á của Nhật Bản. Vì vậy, một nghiên cứu lớn hơn với khả năng bao quát rộng hơn sẽ được kỳ vọng.

2. Nhật Bản: Kiến tạo “Cộng đồng Đông Á cùng nhau hành động và cùng nhau phát triển”

Do những đặc thù về địa kinh tế và địa chính trị, môi liên hệ của Nhật Bản với khu vực Đông Á mang tính lịch sử và hệ thống. Tại một số điểm đứt gãy, chính sách Đông Á của Nhật Bản có thể đậm - nhạt, nhưng Nhật Bản chưa bao giờ ngừng quan tâm đến khu vực này, ngay cả khi Nhật Bản “thoát Á, nhập Âu”. Trong bài viết “Japan in Asia”, Michael Green cho rằng, những yếu tố giúp định hướng chiến lược quốc gia của Nhật Bản về cơ bản vẫn luôn như cuối thời kỳ Tokugawa, đó là sự cân bằng giữa tri thức phương Tây và phát triển kinh tế, chung sống với cấu trúc quyền lực quốc tế hiện

hành đồng thời theo đuổi vị thế được tôn trọng trong hệ thống quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á. Tác giả cũng cho rằng, mặc dù các yếu tố định hướng này không thay đổi trong suốt lịch sử hiện đại Nhật Bản, nhưng cách thức và công cụ được sử dụng để triển khai chiến lược quốc gia lại đa dạng một cách đáng ngạc nhiên theo các giai đoạn và bối cảnh khác nhau của hệ thống quan hệ quốc tế (Green 2008: 170-191).

Thật vậy, từ cuối thế kỷ XIX, trên cơ sở một quốc gia cường thịnh cùng việc đánh bại Trung Quốc (năm 1895) và Nga (năm 1905), các chiến lược gia Nhật Bản đã dần kiến tạo nên một “chủ nghĩa liên Á” vào đầu thế kỷ XX, nhưng ngay sau đó, theo Green (2008), đã biến tướng thành một trật tự đế quốc xấu xí và kết quả là một thảm họa cho cả Nhật Bản lẫn châu Á trong suốt nửa đầu thế kỷ XX¹. Trong thời gian Chiến tranh Lạnh, diện mạo mới của đất nước Nhật Bản đã được tạo dựng lại. Một mặt, cấu trúc quyền lực thế giới mới buộc Nhật Bản phải chịu sự ảnh hưởng và kiểm soát của Mỹ, mặt khác chính dưới cái ô đảm bảo an ninh của Mỹ, Nhật Bản đã có thể tập trung toàn lực cho khôi phục, phát triển kinh tế và nhanh chóng vươn tới vị thế cường quốc kinh tế thứ hai thế giới². Đó chính là cơ

¹ Học thuyết “Đại Đông Á” được nhen nhóm ở Nhật Bản vào khoảng thế kỷ XIX xuất phát từ chủ nghĩa dân tộc cực đoan cho rằng dân tộc Phù Tang là dân tộc thượng đẳng so với các dân tộc châu Á khác. Các chủ thuyết “Châu Á của người châu Á” hay “Khởi thịnh vượng chung Đại Đông Á” đều nằm trong tham vọng tạo ra một “Đại Đông Á” (bao gồm các quốc gia: Nhật Bản, Mãn Châu Quốc, Trung Quốc và một phần các quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á) do Nhật Bản lãnh đạo mà không phụ thuộc vào phương Tây. Học thuyết này sau đó được Nhật Bản sử dụng để che đậy chính sách xâm lược Đông Á từ thập niên 1930 đến Chiến tranh thế giới thứ hai.

² Trong khoảng hai thập kỷ từ giữa thập niên 1950 đến giữa thập niên 1970, nền kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng trung bình trên 10%. GDP thực tế của Nhật Bản trong suốt thời kỳ này luôn ở mức hai chữ số. Nền kinh tế Nhật Bản đã đuổi kịp các nền kinh tế tiên tiến của thế giới: nếu năm 1950, GNP của Nhật còn thấp hơn của bất cứ quốc gia phương Tây nào, thì đến năm 1960 nó đã vượt qua Canada, giữa thập niên 1960 vượt qua Anh và

sở để Nhật Bản ngày càng có ý thức mạnh mẽ hơn về sự vươn tới vị thế cường quốc về chính trị cùng với một ý thức không kém phần mạnh mẽ đối với nỗ lực cải thiện hình ảnh đất nước bằng chính sách đối ngoại mới, theo đuổi phương hướng hoàn toàn mới. Cho dù không gian hoạt động của chính sách đối ngoại của Nhật Bản khá hạn chế do bị ràng buộc bởi Hiến pháp sau chiến tranh và Hiệp ước An ninh Mỹ-Nhật³, song quan điểm hiện đại của Nhật Bản về hợp tác Đông Á đã được khởi động ngay trong chính thời gian này. Từ cuối thập niên 1950, Nhật Bản bắt đầu nhấn mạnh phát triển quan hệ với các quốc gia Đông Á trong chính sách ngoại giao của mình. Tuy nhiên, trở ngại lớn đối với Nhật Bản chính là tâm lý hậu chiến của người dân các quốc gia Đông Á và hậu quả của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Lựa chọn ngoại giao kinh tế thông qua các nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (Official Development Assistance - ODA) và Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment - FDI) được Chính

phủ Nhật Bản xem là giải pháp “mở đường” phù hợp nhất. Cũng từ thập niên 1950, qua vai trò trung gian của Mỹ, Nhật Bản đã bước đầu xâm nhập vào một số thị trường Đông Á thông qua những khoản “bồi thường chiến tranh”. Các khoản “bồi thường” này sau đó tăng mạnh vào những thập niên 1960 và 1970. Chính sách ngoại giao kinh tế của Nhật Bản bước đầu thành công do “bắt mạch” được nhu cầu về vốn và công nghệ của các quốc gia trong khu vực thời kỳ hậu chiến.

Thập niên 1970 chứng kiến sự điều chỉnh chính sách quay trở về Đông Á có tính quyết định, thể hiện ngày càng rõ nét ý tưởng “thoát Âu, nhập Á” trong đường lối đối ngoại của Nhật Bản. Sự điều chỉnh chính sách Đông Á trước hết đến từ việc Mỹ có những thay đổi chính sách mang tính chiến lược đối với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong những năm 1971-1972; tiếp đến là cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 khiến nguồn cung dầu cho Nhật Bản từ Trung Đông bị cắt giảm, Nhật Bản buộc phải chuyển hướng về Đông Nam Á - nơi nước Nhật đã từng khai thác dầu trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai; cuối cùng là việc Mỹ thất bại sau cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam năm 1975 và quyền lực Mỹ bị giảm sút rõ rệt trên quy mô toàn cầu cũng buộc Mỹ phải giảm sự hiện diện ở khu vực Đông Á. Có thể nói, những sự kiện trên là chất xúc tác khiến Nhật Bản chuyển đường lối đối ngoại từ “lấy nước Mỹ làm trung tâm” sang xu thế “theo mọi hướng”. Tuy nhiên, trong bối cảnh Nhật Bản bị hạn chế về chính trị ngoại giao tại Đông Bắc Á do những mâu thuẫn lịch sử kéo dài với Trung Quốc, Hàn Quốc và Triều Tiên thì Đông Nam Á lại là lựa chọn lý tưởng. Trong khi Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) bị đặt trước thách thức lớn về an ninh do Mỹ rút quân thì vận hội mới lại đến với Nhật Bản để giải quyết vấn đề “khoảng trống quyền lực”. Có thể nói, đây là thời

Pháp, năm 1968 vượt Tây Đức. Năm 1973, GNP của Nhật Bản bằng 1/3 của Mỹ và trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới (Luu Ngọc Trinh 1998: 187-188).

³ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Nhật Bản đầu hàng phe Đồng minh. Dưới sự chỉ đạo của Tướng Douglas MacArthur, bản Hiến pháp mới được thông qua ngày 3/11/1946 và chính thức có hiệu lực từ ngày 3/5/1947 để thay thế cho Hiến pháp Minh Trị năm 1889. Đây được coi là bản Hiến pháp hòa bình và dân chủ nhằm xóa bỏ chế độ quân phiệt và nền quân chủ tuyệt đối của Nhật Bản. Theo Điều 9 của Hiến pháp mới, Nhật Bản “cam kết vĩnh viễn không phát động chiến tranh như là một phương tiện giải quyết xung đột quốc tế bao gồm chiến tranh xâm phạm chủ quyền dân tộc và các hành vi vũ lực hoặc các hành vi đe dọa bằng vũ lực”. Hiến pháp mới không cho phép Nhật Bản duy trì lực lượng quân, hải quân, không quân cũng như các tiềm lực chiến tranh khác, tuy vẫn cho phép Nhật Bản duy trì một Lực lượng phòng vệ (SDF), nhưng không được triển khai lực lượng này ra ngoài lãnh thổ Nhật Bản. Sau đó, nhằm mục đích buộc Nhật Bản phải phụ thuộc vào Mỹ về kinh tế, chính trị và biển nước Nhật trở thành căn cứ quân sự của Mỹ ở Viễn Đông, ngày 8/9/1951 Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật Bản (cùng với Hòa ước San Francisco) được ký kết đã chính thức hóa sự hiện diện của Mỹ tại Nhật Bản cũng như sự phụ thuộc hoàn toàn của Nhật Bản vào Mỹ về an ninh.

điểm hoàn hảo để Nhật bắt đầu một chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ với Mỹ trong quyết định sẽ đóng một vai trò quan trọng hơn ở Đông Nam Á. Năm 1977 đánh dấu việc “quay trở về châu Á” của Nhật Bản bằng chính sách Đông Nam Á trong “Học thuyết Fukuda” được công bố bởi Thủ tướng Nhật Takeo Fukuda. Học thuyết này một mặt nêu quyết tâm đóng góp vào hoà bình và thịnh vượng của Đông Nam Á và thế giới, mặt khác đặc biệt nhấn mạnh một số điểm mang tính cam kết: “Nhật Bản một quốc gia tôn trọng hoà bình”; “Nhật Bản là một người bạn thật sự của các nước Đông Nam Á”; “Nhật Bản sẽ là một bạn hàng bình đẳng của ASEAN và các nước thành viên của nó”⁴. Học thuyết Fukuda là học thuyết đầu tiên thể hiện quan điểm đối ngoại tích cực về vai trò chính trị của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Bên cạnh đó, với phương châm “chính trị, kinh tế song hành” từ Học thuyết Fukuda, các hoạt động kinh tế đối ngoại của nước này tại khu vực Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng cũng được tăng cường đáng kể. Việc Nhật Bản vươn tới vị thế cường quốc kinh tế thứ hai thế giới đã làm thay đổi lợi ích của Nhật Bản trong khu vực. Tokyo đã ghi dấu ấn trong dẫn dắt hội nhập kinh tế khu vực và định hình trật tự kinh tế Đông Á theo thuyết “đàn nhận bay” với Nhật Bản là con nhận đầu đàn, theo sau là các nền kinh tế mới công nghiệp hoá NIEs-4 (Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore), các nước ASEAN-4 (Malaysia,

Thái Lan, Philippines, Indonesia). Trong đội hình bay trên, mỗi con nhận đều nhận được từ Nhật Bản một cơ cấu công nghiệp tương tự như của Nhật Bản (thông qua chuyển giao công nghệ, đầu tư trực tiếp và vốn hỗ trợ phát triển) và đến một thời gian nhất định cơ cấu công nghiệp và thương mại vùng có tính bổ sung lẫn nhau sẽ được hình thành, góp phần củng cố nền tảng kinh tế nhằm thúc đẩy tính tự chủ của khu vực và tạo nên sức mạnh đàm phán với các nền kinh tế Mỹ và Tây Âu (Kojima 2000: 375-401). Chính mức độ FDI và thương mại nội vùng trong khu vực Đông Á liên tục tăng giữa Nhật Bản, nhóm NIEs-4, ASEAN-4 và Trung Quốc cùng với việc các quốc gia Đông Á không còn phụ thuộc quá lớn vào hoạt động xuất khẩu sang Mỹ là dấu hiệu cho thấy tính tự chủ của nền kinh tế khu vực dưới sự dẫn dắt của Nhật Bản⁵. Mô hình này, theo Bộ Thương mại Quốc tế và Công nghiệp (Ministry of International Trade and Industry - MITI), như một phương thức thiết yếu qua đó tiến tới hội nhập toàn diện hơn nữa, trong đó thứ bậc phát triển kinh tế Đông Á là bằng chứng chứng minh vị thế kinh tế quan trọng hàng đầu khu vực của Nhật Bản. Do đó, Nhật Bản tất yếu là người tổ chức liên kết, đồng thời là nhà lãnh đạo kinh tế của Đông Á. Mô hình “đàn nhận bay” thậm chí được cho là tiếp tục có ảnh hưởng lớn trong suốt thập niên 1990 và đầu những năm 2000 cho dù khoảng thời gian này được coi là “thập kỷ mất mát” của Nhật Bản. Có thể thấy, khi chính trị và kinh tế song hành thì cách tiếp cận hay sự diễn giải về mô hình “đàn nhận bay” phù hợp với nhận thức không chỉ của các nhà kinh tế mà còn ảnh hưởng lớn đến quan điểm, định

⁴ Xem Lam Peng Er (edited). 2015. *Japan's Relations with Southeast Asia: The Fukuda Doctrine and Beyond*. New York and London: Routledge; Cũng tham khảo thêm Yano Toru. 1978. “The ‘Fukuda Doctrine’ and its implications for Southeast Asia: A Japanese Perspective”. *Southeast Asian Affairs* 1978: 60-64; Hoàng Minh Hằng. 2011. “Học thuyết Fukuda những năm 1970 và sự tìm kiếm vai trò chính trị của Nhật Bản thời kỳ Chiến tranh Lạnh”. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* 2 (120): 27 -35.

⁵ Tỷ trọng thương mại trong nội vùng Đông Á tăng cao hơn gấp 4 lần so với xuất khẩu của Đông Á sang Mỹ trong những năm 1980 và 1990 cũng như tỷ trọng FDI của Đông Á/ tổng FDI vào Đông Á đã tăng từ trên 6,5% năm 1980 đến hơn xấp xỉ 20% trong những năm 2000 (Dương Minh Tuấn 2012).

hướng liên kết khu vực của giới chính trị gia Nhật Bản.

Những biến đổi của tình hình quốc tế và khu vực sau Chiến tranh Lạnh tạo thêm nhiều cơ hội cũng như những thách thức buộc Nhật Bản phải tìm kiếm một vai trò chính trị tự chủ hơn nữa. Trước hết, sự giảm sút quyền lực Mỹ diễn ra cùng lúc với quá trình trỗi dậy đầy quyết đoán của quyền lực Trung Quốc đã tạo ra sự dịch chuyển lớn trong cán cân quyền lực Đông Á. Trung Quốc đã thu hẹp khoảng cách quyền lực với Mỹ và cạnh tranh quyết liệt với Mỹ trên nhiều lĩnh vực. Một Trung Quốc đang vươn mình trở thành cường quốc hàng đầu châu Á cũng đã đẩy Nhật Bản xuống hàng thứ 3 về phương diện kinh tế ở cấp độ toàn cầu và về vị thế ảnh hưởng ở cấp độ khu vực⁶. Hơn thế, ảnh hưởng của sức mạnh ngày càng tăng của Trung Quốc đã lan toả đến các khu vực hàng hải có tầm quan trọng kinh tế đối với Nhật Bản càng làm tăng thêm ý thức của người Nhật về tương lai địa chính trị của đất nước. Bên cạnh đó, đã và đang tồn tại một thực tế là, người Nhật bắt đầu tỏ thái độ hoài nghi về thực chất của liên minh Mỹ - Nhật trước sự hiện diện của Trung Quốc trỗi dậy. Vai trò của Nhật Bản trong một liên minh chống Trung Quốc là rõ ràng. Nhưng vai trò của Nhật sẽ như thế nào nếu “sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ được dàn xếp trong một số hoàn cảnh ngay cả khi điều đó sẽ làm giảm tính ưu thế của Mỹ trong khu vực?” (ZBigniew 2019: 276-277). Trong bối cảnh đó, Nhật Bản chủ trương tự do theo đuổi chính sách ngoại giao độc lập trong khi vẫn liên minh với siêu cường duy nhất trên thế giới nhưng không hoàn toàn phụ thuộc vào nó (đây được xem là cốt lõi của địa chiến

lược Nhật Bản), đặc biệt chú trọng lấy châu Á làm điểm tựa mà trực tiếp nhất là Đông Á đồng thời triển khai ngoại giao đa phương Đông Á - Thái Bình Dương. Theo ZBigniew (2019: 292), sự hợp tác đa phương theo thời gian có thể đưa tới 3 tác động tích cực: (i). Có thể giúp thu hút (hoặc kiềm chế khôn khéo) Trung Quốc; (ii). Có thể giúp giữ nước Mỹ ở châu Á cho dù cùng lúc làm giảm dần ưu thế của Mỹ; và (iii). Có thể giúp giảm bớt sự phẫn nộ chống Nhật Bản, do đó làm tăng ảnh hưởng của Nhật Bản. Liên quan đến tác động thứ 3, dường như nỗi ám ảnh trước đây của các quốc gia khu vực về Nhật Bản giờ đã dần chuyển thành nỗi ám ảnh về Trung Quốc, đặc biệt là đối với các quốc gia biển trước sự bành trướng của Trung Quốc. Tại điểm này, Nhật Bản một lần nữa có lợi thế lớn trong việc hướng đến hình ảnh là một quốc gia được tôn trọng vì sử dụng sự thịnh vượng và quyền lực của mình cho mục đích tạo dựng chứ không gây ra nỗi sợ hãi hay phẫn nộ. Mặc dù còn tiềm ẩn nhiều sự bất ổn và không chắc chắn tại khu vực như quan hệ hai miền Triều Tiên, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên hay vấn đề Đài Loan, nhưng Trung Quốc mới chính là mối bận tâm thường trực và chủ yếu nhất của Nhật Bản trong tổng thể tiến trình liên kết Đông Á⁷. Một sự vun đắp thận trọng với Trung Quốc sẽ được ưu tiên hơn bất kỳ nỗ lực lãnh đạo nào của Mỹ nhằm ngăn chặn trực tiếp Trung Quốc.

Những năm đầu thế kỷ XXI, chính phủ của Thủ tướng Junichiro Koizumi đặc biệt quan tâm đến tiến trình liên kết khu vực Đông Á thông qua ý tưởng xây dựng một “cộng đồng Đông Á cùng nhau hành động và cùng nhau phát triển”. Theo ông: “Quá

⁶ Đánh giá về sức mạnh từ sự trỗi dậy của Trung Quốc, nguyên Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu đã nhấn mạnh “Trung Quốc sẽ trở thành một đối thủ khủng khiếp trong khu vực. Không có sự kết hợp nào của các nền kinh tế Đông Á - Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, ASEAN - sẽ có thể cân bằng với họ” (Lee 2000)

⁷ Trong thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI, các mối đe dọa xuất phát từ Triều Tiên, Nga và đặc biệt là từ Trung Quốc cùng lúc được nhấn mạnh trong Chiến lược an ninh quốc gia, Chiến lược phòng thủ quốc gia và Chương trình xây dựng quốc phòng quốc gia mà Nhật Bản mới công bố gần đây.

khứ của chúng ta có thể khác nhau nhưng tương lai của chúng ta có thể thống nhất và hỗ trợ cho nhau”⁸. Học thuyết Koizumi (2002) chủ trương mở rộng hợp tác Đông Á dựa trên một cộng đồng mở gồm Nhật Bản, các nước ASEAN và một số đối tác khác là Trung Quốc, Hàn Quốc, Australia, New Zealand và Mỹ, trong đó bước đầu tiên là phải tranh thủ khuôn khổ ASEAN+3⁹. Thực chất của việc mở rộng này là nhằm lôi kéo các nước kiềm chế vai trò chi phối của Trung Quốc trong hợp tác Đông Á. Mặc dù, như trên đã nói, Nhật Bản bên cạnh rất đề phòng Trung Quốc, cũng sẽ quan tâm hơn đến vun đắp quan hệ với nước này. Tuy nhiên, Học thuyết Koizumi lại bị đánh giá là chính sách ngoại giao mất cân bằng, thậm chí có phần cực đoan bởi với tư cách là một học thuyết liên kết Đông Á, sẽ là rất lý tưởng nếu ông Koizumi không thực hiện các chuyến viếng thăm đền Yasukuni trong suốt nhiệm kỳ của mình - một hành động bị xem là cực kỳ “nhạy cảm” đối với Trung Quốc và Hàn Quốc bởi nó gợi lại những ký ức đau thương của đất nước dưới thời kỳ chiếm đóng của Nhật Bản¹⁰. Dường như đã có bài học từ người tiền nhiệm, Học thuyết Fukuda (2008) của Thủ tướng Yasuo Fukuda (con trai của Thủ tướng Takeo Fukuda) lại được cho là ôn hòa, có chừng mực với quan điểm chỉ đạo: Cộng đồng Đông Á sẽ là một ý tưởng viển vông nếu không có sự hòa giải giữa Bắc Kinh và Tokyo. Điều đó cũng có nghĩa là liên kết Đông Á chỉ thực sự thành công khi quan hệ giữa hai nước ổn định dù

vẫn còn những va chạm về lợi ích chiến lược. Một lần nữa, học thuyết này lại chỉ là học thuyết lý tưởng “trên giấy” bởi ông Fukuda đột ngột từ chức sau khoảng 8 tháng nắm quyền.

Khi Đảng Dân chủ Nhật Bản (DPJ) của Thủ tướng Yukio Hatoyama lên nắm quyền năm 2009, chính sách đối ngoại của Nhật Bản có thêm nhiều điểm mới so với Đảng Dân chủ Tự do (LDP). Chương trình hành động của DPJ là cân bằng hóa ảnh hưởng của Mỹ để Nhật Bản đóng vai trò độc lập hơn trên chính trường quốc tế, đồng nghĩa với việc Tokyo sẽ thực thi một chính sách đối ngoại độc lập hơn đối với Mỹ để chú trọng vào các đối tác châu Á của họ bao gồm cả Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Tất nhiên, ông Hatoyama không quên cam kết với Nhà Trắng rằng, quan hệ Tokyo - Washington tiếp tục “là trục chính, là nền tảng trong chính sách ngoại giao của chính quyền Nhật”. *Đề án xây dựng Cộng đồng Đông Á (East Asian Community - EAC)* theo mô hình Liên minh châu Âu - EU là một trong những ưu tiên hàng đầu của DJP và cũng là điểm nhấn trong chính sách ngoại giao khu vực của chính quyền Hatoyama. Bối cảnh hậu Chiến tranh Lạnh tại châu Á được nhóm chủ trương xích lại gần Trung Quốc trong Chính phủ Hatoyama cho là gần giống châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Mẫu hình EU cho thấy chỉ khi hai kẻ thù “truyền kiếp” là Pháp và Đức chấp nhận chấm dứt đối đầu để bắt tay, hợp tác với nhau thì Cộng đồng châu Âu - EC (tiền thân của Liên minh châu Âu) mới được hình thành và trở nên thịnh vượng. Bài học đó đã thúc đẩy chính quyền Hatoyama hành động tích cực nhằm hiện thực hóa ý tưởng xây dựng Cộng đồng Đông Á. Tuy nhiên, có một hiện thực khác là, Đức và Pháp ở trong tình thế phải giải quyết sức ép chống lại sự can

⁸ Nguyên văn: “Our pasts may be varied and divergent, but our futures can be united and supportive of each other”. Xem “Speech by Prime Minister of Japan Junichiro Koizumi: Japan and ASEAN in East Asia - A Sincere and Open Partnership” - January 14, 2002.

⁹ ASEAN + 3 có nghĩa là ASEAN + Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc

¹⁰ Trong suốt nhiệm kỳ từ 2001 đến 2006, ông Koizumi viếng thăm đền Yasukuni mỗi năm một lần bất chấp sự phản đối gay gắt của Trung Quốc và Hàn Quốc.

dự ngày càng sâu của Mỹ vào nội bộ châu Âu - các cựu cường châu Âu nếu không bắt tay nhau, một châu Âu vụn vỡ sẽ là cơ hội cho Mỹ nhảy vào. Trong khi đó, các quốc gia Đông Á lại không bị tình thế thúc ép. Giác mơ EAC theo mô hình và định hướng EU vẫn còn xa chừng nào khu vực chưa hội tụ đủ các điều kiện và chưa sẵn sàng cho sự đồng thuận của tất cả các bên chứ không chỉ riêng Nhật Bản hay Trung Quốc, Hàn Quốc, để gắn kết chặt chẽ với nhau trên tất cả các lĩnh vực cả kinh tế, lẫn chính trị, an ninh và văn hóa¹¹.

Sau khi LDP quay trở lại chính trường từ năm 2012, đường hướng chủ đạo của LDP là “ngoại giao hòa bình tích cực” hướng đến mục tiêu đối ngoại toàn cầu và giành lấy vị thế xứng đáng hơn trên trường quốc tế. Khu vực Đông Á trong vòng một thập niên trở lại đây tiếp tục trải qua nhiều biến động sâu sắc với một Trung Quốc ngày càng trỗi dậy mạnh mẽ hơn, đối đầu kinh tế Trung - Mỹ diễn ra quyết liệt, vai trò trung tâm của ASEAN có phần bị thu hẹp... Trong khi chính quyền Mỹ gây thất vọng về vị thế lãnh đạo tự do hóa kinh tế và thương mại ở khu vực thì Trung Quốc cũng chưa thể hiện được là một hình mẫu lãnh đạo thuyết phục, Nhật Bản ngoài việc là nhân tố thúc đẩy các khuôn khổ hội nhập kinh tế như ASEAN+1¹², ASEAN+3, ASEAN+6¹³, còn là cường quốc kinh tế duy nhất tại Đông Á và châu Á - Thái Bình Dương tham gia cùng lúc cả hai khuôn khổ thương mại tự do đa phương quan trọng là *Hiệp định Đối tác*

xuyên Thái Bình Dương, 2012 (Trans Pacific Partnership Agreement - TPP)¹⁴ và *Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực*, 2022 (Regional Comprehensive Economic Partnership - RCEP). Mặt khác, trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn thì Nhật Bản, cường quốc kinh tế lớn thứ ba thế giới¹⁵, có quan hệ chặt chẽ với cả Mỹ và Trung Quốc, hoàn toàn có thể đóng vai trò hàng đầu trong việc định hình khuôn khổ liên kết và hợp tác khu vực Đông Á - Thái Bình Dương.

3. Đông Nam Á/ASEAN - trọng tâm trong tiến trình liên kết Đông Á

Không giống như Đông Bắc Á, Đông Nam Á mang đến các lựa chọn ngoại giao đa dạng hơn cho Nhật Bản. Có thể thấy, từ trong lịch sử (kể cả quá trình phục hồi nền kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai), lợi ích của Nhật Bản ở khu vực Đông Nam Á thể hiện rõ cả về địa - chính trị lẫn địa - kinh tế. Trước hết, tầm quan trọng chiến lược của Đông Nam Á được quyết định bởi yếu tố địa lý của khu vực: Đông Nam Á là giao điểm của hai tuyến đường hàng hải nhộn nhịp nhất thế giới (kết nối lục địa châu Á với châu Đại Dương theo hướng Bắc - Nam và kết nối Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương theo hướng Đông - Tây), có hệ thống cảng biển đa dạng thuận tiện cho vận chuyển và lưu thông hàng hóa. Đông Nam Á được xem là cửa ngõ để các cường quốc châu Á vươn mình ra thế giới, nhưng cũng là cửa ngõ để các cường quốc bên ngoài khu vực xâm

¹¹ Về chính sách ngoại giao châu Á của chính phủ Hatoyama, xem Chapter 2: Regional Diplomacy - Asia and the Pacific.

https://www.mofa.go.jp/policy/other/bluebook/2009/html/h2/h2_01.html. Truy cập tháng 11 năm 2023.

¹² ASEAN + 1: ASEAN + Nhật Bản; ASEAN + Trung Quốc; ASEAN + Hàn Quốc.

¹³ ASEAN + 6: ASEAN + Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia và New Zealand.

¹⁴ Phiên bản mới của TPP là CPTPP (năm 2018 sau khi Mỹ tuyên bố rút khỏi TPP) - *Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership* - Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương.

¹⁵ Xếp hạng các nền kinh tế lớn nhất theo GDP (danh nghĩa) năm 2023 “*World Economic Outlook Database, April 2023*”. IMF.org. International Monetary Fund. Ngày 10 tháng 4 năm 2023. Truy cập tháng 6 năm 2024.

nhập và mở rộng ảnh hưởng ra toàn châu Á - Thái Bình Dương. Thật vậy, nếu Trung Quốc coi Đông Nam Á là điểm khởi đầu để triển khai “Sáng kiến vành đai và con đường” (BRI) thì Mỹ coi Đông Nam Á là tâm điểm kết nối của “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” (IPS). Chính vì vậy, vùng “trọng địa” Đông Nam Á tất yếu trở thành địa bàn tranh chấp của các bên. Trên phương diện kinh tế, Đông Nam Á có quy mô dân số đông (cao hơn EU và Mỹ) và tương đối trẻ, tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Đông Nam Á đã và đang trải qua giai đoạn dài với tư cách là một trung tâm sản xuất và hiện chiếm khoảng 8% sản xuất toàn cầu, chiếm khoảng 10% tổng nguồn vốn FDI toàn cầu và là thị trường tiềm năng với tốc độ phát triển nhanh, ổn định¹⁶. Khu vực này cũng đang hưởng lợi rất lớn từ quá trình tái cơ cấu các chuỗi cung ứng toàn cầu nhờ nằm ở vị trí giao lộ của hai thỏa thuận thương mại tự do lớn nhất thế giới là RCEP và TPP/CPTPP (mà Nhật Bản là cường quốc kinh tế duy nhất tại Đông Á và châu Á -Thái Bình Dương tham gia cùng lúc cả hai khuôn khổ này).

Trong khi đó, ASEAN trải qua gần 60 năm tồn tại và phát triển đã rất thành công trong việc đưa các quốc gia Đông Nam Á từ chia rẽ, đối đầu nhau trở thành một Cộng đồng khu vực của 10 quốc gia Đông Nam Á (ASEAN Community - AC), trừ Timor Leste đang là quan sát viên, và trở thành một hình mẫu hợp tác thành công nhất trên thế giới, ngày càng có vị thế đáng kể và tầm ảnh hưởng lớn trong đời sống quan hệ quốc tế. Triển khai chính sách đối ngoại mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa và sách lược cân bằng, ASEAN từng bước khẳng định vai trò trung tâm và dẫn dắt các thể chế đa phương tại khu vực như Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF),

Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+) và các ASEAN+. Trong những năm gần đây, ASEAN đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với hầu hết cường quốc hàng đầu thế giới như Trung Quốc (năm 2021), Mỹ và Ấn Độ (năm 2022), Nhật Bản (năm 2023).

Tầm quan trọng chiến lược ngày càng tăng khiến cho Đông Nam Á/ASEAN trở nên có ý nghĩa quyết định trong chính sách liên kết Đông Á của Nhật Bản. Nhìn lại lịch sử, chính sách Đông Nam Á hiện đại của Nhật Bản đã được đặt nền móng bởi Học thuyết Fukuda năm 1977 và liên tục được điều chỉnh thông qua các học thuyết đối ngoại lần lượt được công bố bởi các Thủ tướng Nhật Bản, tiêu biểu là Học thuyết Miyazawa (1993), Học thuyết Hashimoto (1997) và Học thuyết Koizumi (2002). Học thuyết Miyazawa chính thức tuyên bố mục tiêu chiến lược của Nhật Bản trong việc nâng cao vị thế, vai trò chính trị và xác lập ảnh hưởng toàn diện của Nhật Bản tại khu vực Đông Nam Á thông qua hai trụ cột kinh tế và chính trị - vừa là động lực thúc đẩy quan hệ ngoại giao vừa trở thành định hướng cho sự phát triển quan hệ của Nhật Bản với các nước Đông Nam Á trong giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh (Nguyễn Hoàng Giáp 2012). Học thuyết Hashimoto đánh dấu việc Nhật Bản nhấn mạnh và đề cao mục tiêu chính trị hơn mục tiêu kinh tế trong chính sách đối ngoại đối với các nước Đông Nam Á. Từ cân bằng đến chuyển dịch giữa “ngoại giao kinh tế” sang tập trung cao hơn cho “ngoại giao chính trị”, mở rộng trên các lĩnh vực an ninh, chính trị và văn hóa - xã hội nhằm tăng cường ảnh hưởng và củng cố vai trò chính trị của Nhật Bản trong khu vực. Mặt khác, sự điều chỉnh này cũng phù hợp với vị thế ngày càng gia tăng của ASEAN với tư cách là một thực thể chính trị độc lập, giữ vai trò trung tâm trong việc giải quyết

¹⁶ Theo Báo cáo của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) năm 2022, xem Nguyễn Minh Phong và cộng sự 2023.

các vấn đề của khu vực (Nguyễn Hoàng Giáp 2012). Trong ý tưởng xây dựng “Một cộng đồng Đông Á cùng nhau hành động và cùng nhau phát triển”, Học thuyết Koizumi vừa khẳng định tầm quan trọng của ASEAN đối với chiến lược phát triển của Nhật Bản, vừa đề xuất thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác giữa Nhật Bản và ASEAN nhằm tạo thế chủ động trước những chuyển biến đầy thách thức của khu vực trong thế kỷ XXI trên cơ sở hướng đến mục tiêu “Nhật Bản và ASEAN cùng tiến”. Nhìn chung, tăng cường quan hệ với Đông Nam Á phù hợp với lợi ích chiến lược của Nhật Bản trong bối cảnh nước này đang triển khai ngoại giao “tầm nhìn toàn cầu”, tăng cường vai trò, vị thế và tiếng nói trên trường quốc tế. Trong tất cả những lợi ích chiến lược của Nhật Bản cả về phát triển kinh tế lẫn cân bằng nước lớn ở Đông Á không thể thiếu vắng Đông Nam Á/ASEAN, vì vậy, không khó hiểu khi Tokyo không ngừng xích lại gần hơn với các quốc gia Đông Nam Á/ASEAN.

Trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản vừa chịu tác động của quan hệ Nhật - Mỹ vừa chịu tác động của một nước Trung Quốc đang trỗi dậy nên bên cạnh quan hệ kinh tế truyền thống, Nhật Bản ngày càng nỗ lực can dự nhiều hơn vào nền an ninh - chính trị của Đông Nam Á nhằm bảo vệ các lợi ích kinh tế của mình. Sở dĩ Nhật Bản phải can dự nhiều hơn vào khu vực bởi hầu hết giao thương hàng hải của Nhật Bản phải đi qua Đông Nam Á. Ngược lại, các quốc gia Đông Nam Á cũng hoan nghênh các nỗ lực hợp tác của Tokyo như một biện pháp làm giảm ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc trong khu vực. Mặt khác, Nhật Bản có một lợi thế rất lớn so với Trung Quốc trong quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á. Bằng chứng là, trong một cuộc thăm dò dư luận năm 2019, có tới 93% công chúng ASEAN coi Nhật Bản như là người bạn và 87% cho

rằng vai trò của Nhật Bản là rất quan trọng đối với khu vực (Bộ Kế hoạch và Đầu tư 2021). Với khía cạnh tích cực này, quan hệ Nhật Bản - ASEAN sẽ tiếp tục phát triển, tạo thuận lợi hơn nữa cho việc tăng cường hợp tác song phương và đa phương. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Nhật Bản lần thứ 26 ngày 6/9/2023 đã thông qua *Tuyên bố chung thiết lập quan hệ Đối tác Chiến lược toàn diện ASEAN - Nhật Bản*. Với mốc phát triển mới, hai bên cùng nhau khẳng định tiếp tục thúc đẩy không chỉ hợp tác kinh tế mà cả hợp tác trên lĩnh vực an ninh - chính trị, không chỉ hợp tác song phương mà còn hợp tác trong các diễn đàn, các tổ chức khu vực và quốc tế. Hiện tại, Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ 4 và đối tác đầu tư lớn thứ 2 của ASEAN, Nhật Bản còn là một trong những quốc gia đi đầu trong việc cung cấp những khoản viện trợ lớn cho các nước trong khu vực để phát triển kinh tế - xã hội (TTXVN 2023). Đánh giá về mối quan hệ Nhật Bản - ASEAN, Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh, “quan hệ với Nhật Bản là một trong những mối quan hệ thành công nhất của ASEAN”, Thủ tướng cũng đề nghị “trong bối cảnh thế giới và khu vực đang trải qua nhiều “con gió ngược” với nhiều thách thức chưa có tiền lệ, hai bên cần tăng cường hợp tác, phấn đấu đưa quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện ASEAN - Nhật Bản trở thành một biểu tượng của đoàn kết và hợp tác quốc tế” (Huyền Vy 2023).

Điều đáng chú ý là, trong các khuôn khổ ASEAN+1, ASEAN+3, ASEAN+6 hay EAS, RCEP, ARF, mặc dù thừa nhận vai trò trung tâm của ASEAN trong việc dàn xếp các xung đột lợi ích giữa các nước lớn không chỉ Nhật Bản, Trung Quốc mà cả các nước lớn khác như Mỹ, Ấn Độ hay Australia, Nga, nhưng Nhật Bản và Trung Quốc vẫn ra sức cạnh tranh, theo đuổi tham vọng nắm vai trò lãnh đạo tiến trình liên kết

đó, nhất là trong thời điểm hiện tại khi vai trò của ASEAN có nhiều dấu hiệu giảm sút. Trong khi Trung Quốc với ưu thế vượt trội về tiềm lực kinh tế và quân sự, tìm mọi cách lôi kéo từng nước ASEAN ngã theo quỹ đạo của mình, thì Nhật Bản lại ủng hộ quan điểm *một ASEAN đoàn kết* nhằm tạo “đòn bẩy” để khôi tiếp tục phát huy vai trò trung tâm trong khu vực, quan trọng là hợp tác tới Nhật Bản và để chống lại chính sách chia rẽ của Trung Quốc.

4. Tầm quan trọng của Việt Nam và vai trò của quan hệ Nhật Bản - Việt Nam trong tiến trình liên kết Đông Á

Từ những năm 1940 của thế kỷ trước, Trần Đức Thảo đã viết về một Việt Nam trong khu vực Đông Á như sau: Ngay từ thời cổ đại, lãnh thổ Việt Nam đã là giao điểm của người Viễn Đông. Những hiện thực địa lý, lịch sử và kinh tế sau đó hội tụ lại, tạo cho Việt Nam một vị trí đặc biệt ấn tượng ở trung tâm của Đông Á. Vị thế thuận lợi của Việt Nam một thời đã phục vụ như một đầu cầu cho chính sách quân phiệt của chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản. Ngày nay, nó cũng có thể phục vụ những mục đích hòa bình và xây dựng. Nằm ở trung tâm Đông Á, Việt Nam hoàn toàn có thể trở thành những giao lộ của các tuyến liên lạc. Mặc cho diện tích lãnh thổ tương đối hạn chế và dân cư tương đối nhỏ, có thể thấy Việt Nam vẫn là một mắt xích quan trọng (Dẫn lại theo Nguyễn Trung Kiên 2016: 593-600).

Bước sang thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, tầm quan trọng của Việt Nam được hầu hết các nước lớn nhìn nhận: muốn tạo ra sự dịch chuyển quyền lực tại khu vực Đông Nam Á/ Đông Á có lợi cho mình nhất định không thể bỏ qua yếu tố Việt Nam. Thật vậy, Việt Nam hiện là quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng bậc nhất ở khu vực

Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng. Vì nằm trên “tọa độ ba chiều” Đông Á - Đông Nam Á và Thái Bình Dương, Việt Nam tạo thành điểm nối giữa Bắc với Nam, giữa Đông với Tây, là cầu nối Đông Bắc Á với Đông Nam Á. Có đường lãnh hải dọc theo chiều dài của lãnh thổ, Việt Nam là “đầu cầu” trên đất liền, trên biển và trên không giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Việt Nam cũng giữ vị trí trung tâm của các hoạt động kinh tế diễn ra khắp châu Á - Thái Bình Dương. Trong bối cảnh mới của cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn ở khu vực, các nước đều cần đến Việt Nam càng làm cho vị trí địa - chiến lược của Việt Nam gia tăng mạnh mẽ. Hamada Kazuyuki, một chính khách, nhà kinh tế học của Nhật Bản, tác giả cuốn sách *Cường quốc trong tương lai - về lại bản đồ thế giới năm 2030*, đã đưa ra nhiều nhận định, đánh giá tích cực về Việt Nam. Từ nhận định “Việt Nam hiện là quốc gia có nền kinh tế phát triển nổi bật nhất ở châu Á” (2020: 72), Hamada Kazuyuki cho rằng Việt Nam có đủ tham vọng, tầm nhìn và năng lực để chuyển mình thành cường quốc trong tương lai, thách thức các cường quốc hiện tại. Tác giả cũng đưa ra dự báo, đến năm 2048 “Việt Nam sẽ lọt vào top 20 thế giới về quy mô kinh tế” (2020: 72-98; 270). Với những tiềm lực khổng lồ đó, Việt Nam chắc chắn sẽ góp một phần thiết thực cho tiến trình toàn khu vực mà Nhật Bản trong tiến trình liên kết Đông Á nhất định không thể bỏ qua Việt Nam.

Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 21/9/1973, quan hệ giữa Nhật Bản và Việt Nam sau giai đoạn đình trệ những năm 1979-1991 đã không ngừng được củng cố và phát triển với nội dung hợp tác ngày càng sâu rộng. Chỉ trong hơn 20 năm đầu thế kỷ XXI, quan hệ Việt Nam - Nhật Bản đã không ngừng được nâng cấp, từ khuôn khổ quan hệ “Đôi tác tin cậy, ổn định lâu dài”

(năm 2002) đến quan hệ “Đối tác Chiến lược Việt Nam - Nhật Bản vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á” (năm 2009), nâng lên thành quan hệ “Đối tác Chiến lược sâu rộng Việt Nam - Nhật Bản vì hòa bình và thịnh vượng ở châu Á” (năm 2014). Từ ngày 27/11/2023, hai nước cùng nhau tuyên bố nâng cấp quan hệ lên “Đối tác Chiến lược toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng tại châu Á và trên thế giới”. Nhật Bản cam kết ủng hộ một Việt Nam mạnh, độc lập, tự chủ, thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa thành công. Việt Nam cũng khẳng định ủng hộ Nhật Bản phát huy vai trò và vị thế xứng đáng ở khu vực và thế giới, cùng Nhật Bản đóng góp tích cực, có trách nhiệm cho việc duy trì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực Đông Á và thế giới (Báo Điện tử Chính phủ 2023).

Như vậy, Nhật Bản trở thành quốc gia đầu tiên trong Nhóm G7 thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam và là quốc gia thứ hai trong Nhóm G7 (sau Mỹ) thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam. Ngoài ra, Nhật Bản cũng là quốc gia đầu tiên trong Nhóm G7 mời Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam thăm chính thức Nhật Bản (năm 1995), công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam (năm 2011) và mời Việt Nam tham dự Hội nghị Thượng đỉnh G7 mở rộng (năm 2016). Đáng chú ý là, trong *Sách Xanh Ngoại giao năm 2021* của Nhật Bản, quan hệ với Việt Nam cũng như vị trí, vai trò của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản được nêu khá đậm nét với minh chứng là tên “Việt Nam” được nhắc đến 64 lần so với 45 lần của năm 2020 (*Sách Xanh Ngoại giao Nhật Bản năm 2021*). Theo các nhà quan sát, ngày càng có nhiều Thủ tướng Nhật Bản lựa chọn các quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam để thực hiện chuyến thăm nước ngoài đầu tiên sau khi nhậm chức. Thủ tướng Yoshihide Suga là một trong số đó.

Ông thậm chí là Thủ tướng Nhật Bản đầu tiên trong hơn hai mươi năm qua đã chọn Việt Nam để phát biểu về chính sách khu vực của Nhật Bản. Thủ tướng Suga nói, “*Tôi chọn Việt Nam vì Việt Nam là một địa điểm thích hợp nhất để tôi gửi thông điệp này lần đầu tiên ra thế giới.*” Thủ tướng nhấn mạnh “Việt Nam là đối tác quan trọng của Nhật Bản và đóng vai trò trọng yếu khi Nhật Bản tiến hành chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở” (Nhật Đăng 2020). Điều đó phản ánh sự đánh giá cao của Nhật Bản về vai trò ngày càng quan trọng của Việt Nam trong hợp tác, liên kết khu vực và quốc tế, đồng thời thể hiện chính sách ngày càng coi trọng Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản. Có thể nói, chính sự năng động kinh tế và tốc độ phát triển nhanh nhất Đông Á chỉ sau Trung Quốc trong suốt thời gian dài, sự ổn định chính trị cùng chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, có quan hệ sâu rộng với tất cả các cường quốc khu vực và thế giới, ... là những cơ sở, tiền đề hấp dẫn đối với Nhật Bản trong việc thúc đẩy quan hệ với Việt Nam. Bên cạnh đó, tầm quan trọng ngày càng gia tăng của địa - chính trị của Việt Nam là lý do có tính quyết định khiến Việt Nam trở thành một trong những đối tác chiến lược quan trọng nhất của Nhật Bản ở khu vực Đông Á.

Về phía Việt Nam, trong bối cảnh mới của tình hình quan hệ quốc tế hiện nay, việc sở hữu sức mạnh quốc gia tổng hợp ở mức trung bình đã quyết định cách tiếp cận thận trọng của Việt Nam trong ngoại giao với các nước lớn ở khu vực, trong đó có quan hệ Việt Nam - Nhật Bản. Dựa trên nguyên tắc tối thượng là bảo đảm lợi ích quốc gia-dân tộc, chính sách đối ngoại của Việt Nam được thực hiện theo phương châm độc lập, tự chủ, trung lập, đa phương hóa, đa dạng hóa, đồng thời linh hoạt trong chính sách ‘cân bằng động’ khi quan hệ với các cường

quốc. Trong khi cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc ngày càng gia tăng mạnh mẽ và diễn biến khó lường, đặc biệt là, dù hình thái quan hệ Mỹ - Trung Quốc tốt lên hay xấu đi thì Việt Nam luôn là nước bị chịu nhiều tác động. Do đó, Việt Nam đã chuẩn bị để ứng phó với các kịch bản khác nhau nhằm phục vụ tốt nhất lợi ích quốc gia, hạn chế tối thiểu những tác động bất lợi. Việc tăng cường quan hệ hữu nghị với tất cả các nước, đặc biệt tập trung thúc đẩy và xem xét nâng cấp quan hệ với các nước lớn, trong đó có Nhật Bản, là sự chuẩn bị thiết thực.¹⁷ “*Chủ nghĩa hòa bình tích cực*” của Thủ tướng Shinzo Abe¹⁸ được Việt Nam kỳ vọng sẽ mang lại nhiều đóng góp tích cực cho Việt Nam, khu vực Đông Á và thế giới. Nhất là trong bối cảnh an ninh trên Biển Đông và Biển Hoa Đông đang có những diễn biến phức tạp,

khó lường. Việc tăng cường quan hệ đối tác chiến lược Nhật Bản - Việt Nam một cách toàn diện, đặc biệt tăng cường hợp tác an ninh, quốc phòng là rất có ý nghĩa.¹⁹ Bên cạnh đó, Việt Nam cũng coi trọng quan hệ với ASEAN vì ASEAN cung cấp một cơ chế quan trọng cho Việt Nam trong chiến lược cân bằng nước lớn, không những thế, thông qua ASEAN, Việt Nam có cơ hội nâng cao vị thế, sức mạnh của mình trong khu vực và trên quốc tế. Liên kết Đông Á là một tiến trình cần thiết trong bối cảnh hiện nay, tham gia vào tiến trình đó, nếu Đông Nam Á/ASEAN ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với những lợi ích chiến lược của Nhật Bản, thì Việt Nam với những lợi thế địa chiến lược của mình sẽ góp phần thúc đẩy hợp tác, kết nối khu vực thông qua liên kết ASEAN và các cấu trúc liên kết khác ở Đông Á.

¹⁷ Cho đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 7 quốc gia là Trung Quốc (6/2008), Liên bang Nga (7/2012), Ấn Độ (9/2016), Hàn Quốc (12/2022), Mỹ (9/2023), Nhật Bản (11/2023) và Australia (3/2024).

¹⁸ “*Chủ nghĩa hòa bình tích cực*” (2013) được coi như sự đáp trả mô hình “Quan hệ Cường quốc kiểu mới” của Trung Quốc (2012) buộc Mỹ phải công nhận Trung Quốc là quốc gia duy nhất trên thế giới có thể cạnh tranh với Mỹ về tầm ảnh hưởng toàn cầu, song ở cấp độ khu vực quyền lực Mỹ bị phủ nhận, quyền lực tự nhiên đó thuộc về Trung Quốc và yêu cầu Mỹ phải điều chỉnh hệ thống đồng minh, nói cách khác là gạt các đồng minh truyền thống của Mỹ, đặc biệt là Nhật Bản ra ngoài lề để tạo không gian cho sự thống trị của Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, “*Chủ nghĩa hòa bình tích cực*” được giải thích là “một quốc gia mà trong mọi hoàn cảnh không bao giờ sử dụng lực lượng quân sự để đạt được tham vọng quốc gia, nhưng không làm giảm sự đóng góp của lực lượng quân sự tương xứng với sức mạnh quốc gia để xây dựng và duy trì hòa bình trong cộng đồng quốc tế”. Ý tưởng về “*chủ nghĩa hòa bình tích cực*” như một lời tuyên bố của Nhật Bản rằng quốc gia này sẽ góp phần duy trì ổn định trật tự thế giới bằng những sáng kiến trong lĩnh vực an ninh. Nhiều ý kiến cho rằng “*chủ nghĩa hòa bình tích cực*” thực chất là việc đưa Nhật Bản “trở thành một quốc gia bình thường”. Xem Kamiya Mateke. 2014. “A Nation of Proactive Pacifism - National Strategy for Twenty first Century Japan” *Japan Foreign Policy Forum*, Diplomacy No.18. 20/1/2014; Shinichi Kitaoka. 2014. “Japan’s New National Security policy based on ‘proactive pacifism’”. *Nikkei Asian Review*, 6/2/2014.

5. Kết luận

Nhật Bản vươn mình đứng vào lúc Đông Á trỗi dậy: đầu tiên là với bốn “con rồng châu Á” gồm Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Singapore; sau đó là sự vươn mình đầy ấn tượng của các “con hổ Đông Nam Á” như Thái Lan, Philippines, Indonesia và Malaysia; thập niên 1980, Trung Quốc hồi sinh mạnh mẽ sau Cách mạng văn hóa, cải cách và mở cửa; Việt Nam tuy Đổi mới và hội nhập muộn hơn, nhưng lại là biểu tượng của sự bứt phá và tăng trưởng bền bỉ; ... Sau Chiến tranh Lạnh kết thúc, Đông Á là khu vực phát triển năng động nhất thế giới cùng

¹⁹ Trong Tuyên bố chung Việt Nam - Nhật Bản tháng 11/2023, hai bên xác nhận sẽ thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng, bao gồm cả việc chuyển giao trang thiết bị và công nghệ quốc phòng, hợp tác bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh trên biển, cũng như mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực như tình báo, cảnh sát, bên cạnh đó cũng tuyên bố sẽ duy trì và tăng cường đối thoại, thảo luận giữa các cơ quan hữu quan của hai nước.

với giá trị địa chiến lược đặc biệt quan trọng, đã trở thành “mái nhà chung” tập hợp sự hiện diện của hầu hết các nước lớn. Là một quốc gia Đông Á, trong hành trình tìm kiếm vị thế toàn cầu từ thập niên 1970, Nhật Bản đã chọn cách vươn ra thế giới từ khu vực bằng việc xác lập vai trò đầu tàu trong cấu trúc quyền lực ở Đông Á thông qua tiến trình liên kết khu vực.

Muộn hơn một chút nhưng Trung Quốc không muốn bỏ lỡ cơ hội để trở thành nước nắm giữ vai trò lãnh đạo trật tự Đông Á. Cả hai nước lớn - Trung Quốc và Nhật Bản đều quan tâm với các mức độ khác nhau dựa trên tham vọng và khả năng của mình. Song, trong khi Trung Quốc chưa chứng minh được mình là một mẫu hình lãnh đạo thuyết phục, thì Nhật Bản xem ra có nhiều điều chinh chính sách khu vực với chiều hướng tích cực hơn, theo nhiều tầng nấc phù hợp với các thời điểm lịch sử. Quan trọng là, vượt qua những định kiến, Nhật Bản đang chiếm được nhiều cảm tình của các quốc gia khu vực hơn Trung Quốc ở thời điểm hiện tại với hình ảnh của một quốc gia được tôn trọng vì sử dụng sự thịnh vượng và quyền lực của mình cho mục đích tạo dựng chứ không gây ra sự phẫn nộ vì tham vọng bành trướng, bá quyền nước lớn. Do đó, để tiếp tục duy trì và tăng cường ảnh hưởng đối với Đông Á, bất chấp những thách thức đến từ Trung Quốc, Nhật Bản nên tiếp tục là người dẫn dắt tiến trình hợp tác cả song phương và đa phương, tạo sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa Nhật Bản với các quốc gia Đông Á, đảm bảo giữ vững ổn định an ninh khu vực.

Việt Nam là quốc gia Đông Nam Á tiếp xúc gần gũi nhất với khu vực Đông Bắc Á không chỉ về mặt địa lý mà còn trên cả góc độ lịch sử văn hóa. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản thời hiện đại được vun đắp từ những nỗ lực của hai nước trong nửa thế kỷ qua. Sự tin cậy về chính trị, sự tương đồng về văn hóa, sự chia sẻ lợi ích chung giữa hai

dân tộc sẽ là nền tảng vững chắc và động lực mạnh mẽ để quan hệ Việt Nam - Nhật Bản tiếp tục phát triển mặc dù ở thời điểm hiện tại, mối quan hệ hai nước đang được đánh giá là tốt đẹp nhất trong lịch sử (Yamada 2024). Việt Nam luôn kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và rộng mở, theo dõi sát sao những vận động địa chính trị của cục diện khu vực và thế giới, cùng với Nhật Bản là những thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Tài liệu trích dẫn

- Báo Điện tử Chính phủ. 2023. “Tuyên bố chung về việc nâng cấp quan hệ Việt Nam-Nhật Bản lên đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng tại châu Á và trên thế giới”. *Báo Điện tử Chính phủ* (<https://baochinhphu.vn/tuyen-bo-chung-ve-viec-nang-cap-quan-he-viet-nam-nhat-ban-len-doi-tac-chien-luoc-toan-dien-vi-hoa-binh-va-thinh-vuong-tai-chau-a-va-tren-the-gioi-102231127222926484.htm>). Truy cập tháng 12 năm 2023.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 2024. “Phân tích xu hướng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào châu Á”. *Trang Thông tin Điện tử Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Đầu tư nước ngoài*. (<https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/9c03a11c-a586-46b0-a776-5af32680b032/NewsID/0c6130e7-fb48-475e-8901-69b679079fcc/MenuID/d960124b-7ba6-4ea2-aa54-a698c550338e>). Truy cập tháng 11 năm 2023.
- Dương Minh Tuấn. 2012. “Mô hình đàn nhạn bay - Học thuyết chiến lược trọng yếu của Nhật Bản trong hợp tác kinh tế vùng Đông Á” (<https://www.inas.gov.vn/306-mo-hinh-dan-nhan-bay-hocthuyet-chien-luoc-trong-yeu-cua-nhat-ban-trong-hop-tac-kinh-te-vung-dong-a.html>). Truy cập tháng 10 năm 2023.

- Green Michael. 2008. "Japan in Asia" in David Shambaugh & Michael Yahuda (eds), *International Relations of Asia*. Maryland: Rowman & Littlefield Publishers.
- Hamada Kazuyuki. 2020. *Cường quốc trong tương lai: Vẽ lại bản đồ thế giới năm 2030*. (Người dịch Võ Vương Ngọc Chân). Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới.
- Hoàng Minh Hằng. 2011. "Học thuyết Fukuda những năm 1970 và sự tìm kiếm vai trò chính trị của Nhật Bản thời kỳ Chiến tranh Lạnh". *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* 2 (120): 27-35.
- Hoàng Văn Vinh. 2023. "Những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh Lạnh (1991-2006)" (<https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/cong-bo-ket-qua-nghien-cuu/-/2018/827697/nhung-dieu-chinh-trong-chinh-sach-doi-ngoai-cua-nhat-ban-doi-voi-khu-vuc-dong-nam-a-sau-chien-tranh-lanh-%281991---2006%29.aspx>). Truy cập tháng 10 năm 2023.
- Huyền Vy. 2023. "Đưa quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện ASEAN - Nhật Bản trở thành biểu tượng của đoàn kết và hợp tác quốc tế". *Tạp chí Điện tử VnEconomy* (<https://vneconomy.vn/dua-quan-he-doi-tac-chien-luoc-toan-dien-asean-nhat-ban-tro-thanh-bieu-tuong-cua-doan-ket-va-hop-tac-quoc-te.htm>). Truy cập tháng 11 năm 2023.
- Kamiya Mateke. 2014. "A Nation of Proactive Pacifism - National Strategy for Twenty first Century Japan". *Foreign Policy Forum*, 20/1/2014.
- Kojima Kiyoshi. 2000. "The "flying geese" model of Asian economic development: origin, theoretical extensions, and regional policy implication". *Journal of Asian Economics* 11: 375-401.
- Lam Peng Er (edited). 2015. *Japan's Relations with Southeast Asia: The Fukuda Doctrine and Beyond*. New York and London: Routledge.
- Lee Kuan Yew. 2000. "Need for a Balancer on East Asia's Way to World Eminence" (<https://www.nytimes.com/2000/11/23/opinion/IHT-need-for-a-balancer-on-east-asias-way-to-world-eminence.html>). Truy cập tháng 10 năm 2023.
- Lưu Ngọc Trinh. 1998. *Kinh tế Nhật Bản - Những bước thăng trầm trong lịch sử*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- Nguyễn Hoàng Giáp. 2012. "Một số điều chỉnh trong chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản những năm 90". *Trang thông tin điện tử Học viện Ngoại giao* (<https://dav.edu.vn/so-19-mot-so-dieu-chinh-trong-chinh-sach-dong-nam-a-cua-nhat-ban-nhung-nam-90/>). Truy cập tháng 11 năm 2023.
- Nguyễn Hùng. 2016. "Lợi ích quốc gia-dân tộc là nguyên tắc tối cao của hoạt động đối ngoại" (Bài phỏng vấn Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Đặng Đình Quý). *Báo Điện tử VOV* (<https://vov.vn/chinh-tri/loi-ich-quoc-gia-dan-toc-la-nguyen-tac-toi-cao-cua-hoat-dong-doi-ngoai-543351.vov>). Truy cập tháng 10 năm 2023.
- Nguyễn Minh Phong, Nguyễn Trần Minh Trí. 2023. "Tổng quan kinh tế năm 2022 và triển vọng năm 2023" (<https://tapchinganhang.gov.vn/tong-quan-kinh-te-nam-2022-va-trien-vong-nam-2023.htm>). Truy cập tháng 11 năm 2023.
- Nguyễn Trung Kiên. 2016. "Việt Nam và Đông Á". Trang 593-600 trong *Triết gia Trần Đức Thảo: Di cảo, Khảo luận, Kỷ niệm*. Huế: Nhà xuất bản Đại học Huế.
- Nhật Đăng. 2020. "Gửi thông điệp ra thế giới từ Việt Nam". *Báo Tuổi trẻ online*. (<https://tuoitre.vn/gui-thong-diep-ra-the-gioi-tu-viet-nam-20201020084007419.htm>). Truy cập tháng 11 năm 2023.
- Phạm Bình Minh. 2017. "Những điểm mới và nội dung cốt lõi của đường lối đối ngoại trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng". *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* (<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/nhung-diem-moi-va-nhung-noi-dung-cot-loi-cua-duong-loi-doi-ngoai-trong-van-kien>

- dai-hoi-xii-cua-dang-3468. Truy cập tháng 10 năm 2023.
- Sách Xanh Ngoại giao Nhật Bản: <https://www.mofa.go.jp/policy/other/bluebook/index.html> (<https://www.mofa.go.jp/files/100116875.pdf>) và). Truy cập tháng 11 năm 2023.
- Shinichi Kitaoka. 2014. "Japan's New National Security policy based on 'proactive pacifism'". *Nikkei Asian Review*, 6/2/2014.
- "Speech by Prime Minister of Japan Junichiro Koizumi: Japan and ASEAN in East Asia - A Sincere and Open Partnership" - January 14, 2002, Singapore. (<https://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/pmv0201/speech.htm>). Truy cập tháng 10 năm 2023.
- TTXVN. 2023. "50 năm quan hệ ASEAN - Nhật Bản: Tầm nhìn mới trong hợp tác vì sự phát triển thịnh vượng của khu vực". *Tạp chí của Ban Tuyên giáo* (<https://www.tuyengiao.vn/50-nam-quan-he-asean-nhat-ban-tam-nhin-moi-trong-hop-tac-vi-su-phat-trien-thinh-vuong-cua-khu-vuc-152214>). Truy cập tháng 11 năm 2023.
- Trần Khánh. 2022. "Không gian chiến lược của Việt Nam trong bối cảnh mới". *Tạp chí Cộng sản* (<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/825861/khong-gian-chien-luoc-cua-viet-nam-trong-boi-canhh-moi.aspx#>). Truy cập tháng 10 năm 2023.
- Yamada Takio - Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền Nhật Bản tại Việt Nam. 2024. "Định vị Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản". *Website của Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam*. (https://www.vn.emb-japan.go.jp/itpr_ja/11_000001_01872.html). Truy cập tháng 6 năm 2024.
- Yamazawa, Ippei. 2009. "Comprehensive Economic Partnership: A Japanese Perspective" in Ippei Yamazawa and Daisuke Hiratsuka eds., *Toward ASEAN - Japan Comprehensive Economic Partnership*. Chiba: the Institute of Developing Economies.
- Yano Toru. 1978. "The "Fukuda Doctrine" and its implications for Southeast Asia: A Japanese Perspective". *Southeast Asian Affairs* 1978: 60-64.
- ZBigniew Brzezinski. 2019. *Bàn cờ lớn: Vị thế đứng đầu và những đòi hỏi địa chiến lược đối với Hoa Kỳ*. (Nguyễn Thanh Xuân dịch). Hà Nội: Nhà xuất bản Hà Nội.